

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2021/QĐ-UBND

Hà giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính
phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng
kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết, thực hiện một số nội dung của Nghị định
số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử
lý nước thải;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, CV NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH
Quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND, ngày 14 / 01 / 2021
của UBND tỉnh Hà Giang)*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng cho các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Các thành phần của hệ thống thoát nước

1. Thành phần của hệ thống thoát nước bao gồm:

a) Mạng lưới thoát nước cấp 1: Bao gồm kênh, mương, cống dẫn nước thải, nước mưa cho khu vực hoặc lưu vực thoát nước xả trực tiếp vào các nguồn tiếp nhận như sông, hồ và nhà máy xử lý nước thải.

b) Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa đến mạng lưới thoát nước cấp 1.

c) Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm cống dọc các đường phố trong các khu dân cư, ngõ xóm; các cống dẫn nước mưa từ các cửa thu hè phố, nước thải từ các hộp đấu nối và truyền tải tới mạng lưới thoát nước cấp 1 và cấp 2.

d) Hộp đấu nối là những vị trí tại điểm đầu nối của hệ thoát nước vào hệ thống thoát nước thành phố, được bố trí thành hố kiểm tra để thực hiện việc đấu nối và phục vụ duy trì, nạo vét.

đ) Hố ga, cửa thu nước lề đường, các giếng tách nước mưa và nước thải, cống bao, cống áp lực, cửa phai; các trạm bơm nước thải, nước mưa, nước hồ và các cống ra vào trạm bơm.

e) Hồ điều hòa và các kênh, mương; các cửa xả nước mưa hoặc nước thải.

g) Các nhà máy, trạm xử lý nước thải tập trung và phi tập trung, công trình xử lý bùn cặn.

2. Hệ thống thoát nước của tỉnh Hà Giang được xếp loại là:

a) Hệ thống thoát nước chung là những hệ thống tiếp nhận cả nước thải và nước mưa.

b) Hệ thống thoát nước riêng là những hệ thống tiếp nhận riêng rẽ nước thải và nước mưa.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. UBND cấp huyện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trên địa bàn mình quản lý, bao gồm:

a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn quản lý.

c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước trên địa bàn quản lý.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho UBND cấp huyện theo quy định.

Điều 4. Tiêu chuẩn dịch vụ

Đơn vị quản lý vận hành phải xây dựng tiêu chuẩn dịch vụ và công bố với khách hàng làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. Tiêu chuẩn dịch vụ là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành.

Điều 5. Quy định về đầu nối

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm thỏa thuận đầu nối thoát nước cho các hộ thoát nước và giám sát việc thực hiện đầu nối thoát nước theo nhiệm vụ được giao và hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Điểm đầu nối: Điểm đầu nối là các điểm xả của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước. Điểm đầu nối phải được đặt tại vị trí thuận lợi để xây dựng hộp đầu nối, đảm bảo an toàn, ổn định về lâu dài; thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết.

3. Cao độ điểm đầu nối: Cao độ và các yêu cầu kỹ thuật của điểm đầu nối được xác định trên cơ sở tuân thủ quy hoạch thoát nước, các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, các yêu cầu trong các nội dung về quy định đầu nối, thỏa thuận đầu nối và đảm bảo thoát nước.

4. Hộp đấu nối là nơi đấu nối hệ thống thoát nước bên trong khuôn viên của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước công cộng. Hộp đấu nối được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, được xây dựng đồng thời với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hay xây mới hệ thống thoát nước. Vị trí hộp đấu nối được xác định nằm trên phần đất công, tiếp giáp với phần đất của hộ thoát nước; bảo đảm ổn định lâu dài, thuận lợi cho việc thi công đấu nối, giao thông đi lại và công tác kiểm tra, giám sát, duy trì hoặc xử lý sự cố, sửa chữa rò rỉ nước thải của đơn vị thoát nước.

5. Thời điểm đấu nối: Được xác định trong văn bản thỏa thuận đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước.

6. Chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối

a) Chất lượng nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hộ gia đình phải được xử lý lắng lọc tại hầm tự hoại trong mỗi hộ gia đình, công trình trước khi xả vào mạng lưới thu gom chung.

- Nước thải khác phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được xử lý cục bộ tại từng công trình đúng theo cam kết bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường trước khi xả vào mạng lưới thu gom chung.

b) Xác định khối lượng nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định căn cứ số nhân khẩu (người) có trong hộ thoát nước với mức bình quân chung là 04 m³/người/tháng.

- Đối với các loại nước thải khác: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải (hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác).

7. Kinh phí đấu nối, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đấu nối

a) Kinh phí đấu nối

- Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm bố trí kinh phí xây dựng, bảo trì, sửa chữa mạng lưới thu gom đến điểm đấu nối và tái lập mặt bằng công cộng đã sử dụng sau khi thi công.

- Hộ thoát nước tự chịu kinh phí đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý cục bộ trong phạm vi công trình, nhà ở đến vị trí điểm đấu nối.

b) Chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đấu nối: Thực hiện theo Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014.

8. Nghĩa vụ tài chính đầu nối của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước:

Hộ thoát nước tự đầu tư chi phí, tổ chức thi công cải tạo hệ thống thoát nước thải và công trình xử lý sơ bộ trong phạm vi khuôn viên phần đất tư của mình theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các yêu cầu trong các nội dung về quy định đầu nối và thỏa thuận đầu nối. Nhà nước đầu tư thực hiện từ tường rào (tường nhà) đến điểm đầu nối, hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

9. Quyền, trách nhiệm của các bên liên quan: Được quy định tại Điều 10 và Điều 20 Quy định này.

10. Ống nối và hố kiểm tra là các bộ phận của hệ thống thoát nước công cộng và do chủ sở hữu hệ thống hoặc đơn vị quản lý vận hành có hợp đồng với chủ sở hữu thiết kế, xây dựng, vận hành, sửa chữa, thay thế hoặc dỡ bỏ.

11. Mọi khách hàng sẽ đều được cung cấp

a) Một đường ống đầu nối chung cho cả nước thải và nước mưa nếu ở trong lưu vực của hệ thống thoát nước chung

b) Một đường đầu nối vào cống nước thải và một đường ống đầu nối vào mương thu nước mưa nếu ở trong lưu vực của hệ thống thoát nước riêng.

12. Chỉ có đơn vị quản lý vận hành mới có quyền miễn trừ đầu nối và cho phép khách hàng hoặc nhiều hơn được đầu nối vào cùng một đường ống đầu nối và một hố kiểm tra. Trong trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành sẽ xác định vị trí của hố kiểm tra.

13. Hệ thống vệ sinh riêng của khách hàng xả nước thải kể từ công trình vệ sinh trong nhà tới hố kiểm tra thuộc về trách nhiệm của khách hàng đầu nối, kể cả xây dựng, vận hành và bảo dưỡng.

14. Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước sẽ kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình. Việc kiểm soát này không làm thay đổi trách nhiệm của khách hàng trong việc xây dựng đường ống đảm bảo chất lượng lâu dài.

15. Trách nhiệm bảo vệ căn nhà, các hộ và các công trình khỏi bị nước thải chảy ngược từ hệ thống thoát nước công cộng vào luôn luôn thuộc về khách hàng. Khách hàng đầu nối phải thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết bằng kinh phí của mình.

Điều 6. Làm sạch và rút cạn bể phốt

1. Bể phốt do các hộ dân, các cơ sở kinh doanh và các cơ quan công cộng quản lý vận hành đều phải được làm sạch và rút cạn định kỳ tùy theo các thông số thiết kế và bằng kinh phí của chủ nhà.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bể tự hoại phải sử dụng các phương tiện chuyên dùng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước có nghĩa vụ sắp xếp công việc này, tham mưu về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan.

Điều 7. Tiếp cận với các công trình nước thải

1. Khách hàng xả nước thải phải tạo điều kiện cho đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước tiếp cận với các công trình nước thải bên trong nhà và cung cấp các số liệu kỹ thuật của chúng.

2. Đơn vị quản lý vận hành có quyền lấy mẫu nước xả tại nhà của khách hàng bất kể lúc nào. Các kết quả xét nghiệm mẫu có thể dùng làm cơ sở để tính tiền dịch vụ nước thải.

Điều 8. Miễn trừ đấu nối

Việc miễn trừ đấu nối thực hiện theo khoản 2 Điều 35 Nghị định 80/2014/NĐ-CP

Điều 9. Chủ đầu tư công trình thoát nước

Chủ đầu tư công trình thoát nước thực hiện theo các quy định tại Khoản 9 Điều 3 của Luật Xây dựng năm 2014; Điều 11 Nghị định 80/2014-NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các hộ xả nước thải và nước mưa

1. Mọi chủ thể sản sinh ra nước thải sinh hoạt và không phải sinh hoạt (Trừ trường hợp được miễn trừ đấu nối) đều có quyền và nghĩa vụ đấu nối khuôn viên nhà mình vào hệ thống thoát nước công cộng (trong đó có một hồ kiểm tra) nếu hệ thống này đã được xây dựng và sẵn sàng để sử dụng ở ngay trước mặt khuôn viên của chủ thể. Chi tiền dịch vụ cho việc đấu nối sẽ do chủ nhà, hộ xả thải chi trả.

2. Mọi hộ xả nước thải đấu nối với hệ thống thoát nước công cộng đều có quyền quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP

3. Đối với các công trình và nhà ở mới xây dựng, việc đấu nối phải được hoàn tất trước khi nhà hoặc công trình đó được đưa vào sử dụng.

4. Trường hợp trong một khuôn viên có chủ mà có hơn một hộ xả nước, các quyền và nghĩa vụ nói trên sẽ là của tất cả các hộ xả nước thải.

5. Các hộ xả nước thải gián tiếp không phải là nước thải sinh hoạt phải xử lý sơ bộ nước thải của mình trước khi xả vào hệ thống công cộng nếu chất lượng của nước thải phát sinh vượt quá các trị số xả thải được quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

6. Các hộ xả nước thải trực tiếp mà tự xử lý nước thải trước khi xả vào môi trường cần phải:

a) Đáp ứng được quy chuẩn xả thải vào môi trường.

b) Có giấy phép của cơ quan địa phương có thẩm quyền cho phép xả trực tiếp vào môi trường được thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

c) Có sự thoả thuận của đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước công cộng đồng ý miễn trừ đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng.

7. Các hộ xả nước gián tiếp phải trang bị trạm bơm dâng bằng kinh phí của mình nếu không có khả năng cho nước chảy bằng trọng lực vào hệ thống thoát nước công cộng.

8. Các hộ xả nước thải gián tiếp phải đăng ký sử dụng các dịch vụ thoát nước thông qua việc ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị quản lý vận hành.

9. Các hộ xả nước gián tiếp chịu trách nhiệm rằng mọi loại nước mưa và nước thải phát sinh trong giới hạn khuôn viên của mình đều được thu gom và vận chuyển vào hệ thống thoát nước công cộng.

10. Mọi hộ xả nước thải sử dụng các dịch vụ thoát nước đều có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ thoát nước cho đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

11. Các hộ xả nước thải hoặc chủ nhà cần đảm bảo rằng phần đầu nối của hộ mình và hố kiểm tra phải hoạt động tốt.

12. Mọi hộ xả nước thải làm hư hỏng các tài sản của các hộ khác, làm hư hại các hệ thống thoát nước hoặc hư hại môi trường đều phải bồi thường thiệt hại.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ và ưu đãi hỗ trợ về đầu tư

Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Điều 12. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về nước thải

Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải được áp dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (Sau đây gọi là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP).

Điều 13. Quy định về bùn thải của hệ thống thoát nước, bùn thải từ bể tự hoại

1. Việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

2. Nội dung quản lý bùn thải bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ xây dựng.

Điều 14. Quy định về xử lý nước thải tập trung, phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu, cụm công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại khu xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý phải đảm bảo yêu cầu:

a) Chất lượng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định cho việc sử dụng nước vào các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường và phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng nước thải sau xử lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

b) Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, bảo đảm không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực.

2. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung.

a) Đối tượng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung tuân thủ theo quy định tại Khoản 1, Điều 23 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

b) Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

c) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Điều 15. Quy định về đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Chủ đầu tư công trình thoát nước thực hiện theo các quy định tại Khoản 9 Điều 3 của Luật Xây dựng năm 2014; Điều 4 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Điều 11 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

2. Lựa chọn đơn vị thoát nước.

Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước) theo quy định; Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nội dung quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa, tái sử dụng nước mưa; quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải: Được thực hiện theo các quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

4. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 16. Quy định về hợp đồng quản lý vận hành

1. Hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước phải dựa theo hướng dẫn trong Thông tư 04/2015/TT-BXD.

2. Hợp đồng này phải bao gồm ít nhất các nội dung cơ bản sau đây:

a) Căn cứ pháp lý.

b) Các chủ thể hợp đồng.

c) Nội dung của hợp đồng thực hiện theo Thông tư 04 /2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 17. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản hợp pháp được ký kết giữa đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước được lựa chọn và các khách hàng đã đấu nối và xả nước mưa và nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước tuân theo mẫu phụ lục 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Hợp đồng dịch vụ thoát nước phải được ký kết sau khi hoàn tất việc đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng.

Điều 18. Quy định về lập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm lập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước (như hồ sơ khảo sát, hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công, hồ sơ thủy văn, hồ sơ chất lượng...), đồng thời giao Đơn vị thoát nước khai thác, sử dụng và cập nhật hệ thống thoát nước mới tiếp nhận do mình được lựa chọn khai thác, vận hành.

2. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của UBND tỉnh và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 19. Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước được giao quản lý, vận hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc khu vực, địa bàn được phân cấp quản lý hoặc được giao đại diện chủ sở hữu quản lý.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án về tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc phạm vi dự án do mình làm chủ đầu tư.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ các bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước

Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

a) Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

b) Chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải thanh toán tiền cho đơn vị quản lý vận hành theo giá hợp đồng đã được thoả thuận. Chủ sở hữu phải giao cho đơn vị quản lý vận hành thu và sử dụng tiền dịch vụ thoát nước như một nguồn thu nhập. Trong trường hợp thu nhập này không đủ để trang trải mọi dịch vụ như đã được thoả thuận, chủ sở hữu hệ thống phải trả phần chênh lệch.

c) Chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải cung cấp đủ nguồn lực để mở rộng hệ thống và đóng vai trò chủ đầu tư.

d) Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm xây dựng hệ thống thoát nước thông qua các khoản đầu tư cố định và có tính đến các phương pháp và tiêu chuẩn hiện đại (như phương pháp xử lý nước thải tập trung, hệ thống cống riêng...).

3. Quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các sở, ban, ngành có liên quan

a) Sở Xây dựng

- Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải vùng, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước; Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước.

- Thực hiện chức năng, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề theo quy định.

- Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị.

- Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

- Định kỳ hàng năm kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý thoát nước đô thị, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp, phân quyền đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, duy trì hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với lưu vực sông nội tỉnh.

c) Sở Tài chính

- Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình UBND tỉnh quyết định.

- Phối hợp với Sở Xây dựng cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ các nguồn vốn khác.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước; quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu xây dựng kế hoạch và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm theo đúng quy định để thực hiện các dự án về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

- Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

- Kêu gọi thu hút các Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng dự án thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định.

- Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

e) Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan trong việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển hệ thống thoát nước; quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

g) Sở Y tế

Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành. Tham gia cùng các cơ quan kiểm tra chất lượng nước xả ra môi trường.

h) Công an tỉnh

- Tham mưu cho UBND tỉnh công tác đảm bảo an ninh trật tự triển khai các Chương trình, dự án thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc nắm bắt, kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các dự án thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh

i) Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

- Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị có liên quan để lựa chọn công nghệ phù hợp với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

k) Ban quản lý khu Kinh tế tỉnh Hà Giang

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu Kinh tế trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Giao nhiệm vụ tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu cho đơn vị quản lý, khai thác hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế. Trường hợp đơn vị quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế không đủ nhân lực thực hiện việc khai thác, vận hành theo quy định của pháp luật thì phải ký hợp đồng khai thác, vận hành với đơn vị có đủ năng lực; thỏa thuận và xác định vị trí đầu nối nước mưa, nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải chung của khu công nghiệp; xem xét, phê duyệt giá dịch vụ thoát nước làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp;

- Giao cho đơn vị quản lý, khai thác hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện việc lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; tập hợp lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước và xử lý nước thải; lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và liên tục tại trạm xử lý nước thải tập trung và truyền dữ liệu về sở Tài nguyên và Môi trường; định kỳ báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, khu kinh tế về Sở Xây dựng.

l) Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, nạo vét hệ thống thoát nước được giao, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.
- Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ 6 tháng, cả năm về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

m) Trách nhiệm của UBND cấp xã, phường

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho UBND cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

n) Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

Trách nhiệm của đơn vị thoát nước thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Đơn vị vận hành và quản lý có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các điều khoản của quy định này.
2. Giám đốc Sở Xây dựng; Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố; đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước có trách nhiệm tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.